

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

KHU VỰC 3 - NINH BÌNH

Bản án số: 43/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 27-5-2026

V/v: Ly hôn, giải quyết về con chung
khi ly hôn.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3- NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Khắc Thái; Ông Lương Mạnh Tường.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 3 -Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Ninh Bình tham gia phiên tòa:
Bà Đinh Thị Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Ninh Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 43/2026/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2026 về việc: “Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2026/QĐ-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lường Thị D, sinh ngày 09/02/1999; số CCCD: 011199005861; Địa chỉ: Bản P, xã M, tỉnh Điện Biên.

- Bị đơn: Đinh Ngọc T, sinh ngày 20/9/1996; Địa chỉ: Thôn L, xã P, tỉnh Ninh Bình.

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 01 năm 2026, bản tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Lường Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Đinh Ngọc T kết hôn với nhau năm 2018 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình nay là xã P, tỉnh Ninh Bình. Sau khi cưới vợ chồng tôi sinh sống tại xã P, tỉnh Ninh Bình cùng gia đình anh T. Hai vợ chồng tôi chỉ sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không hợp, khác biệt về lối sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Đến khoảng cuối năm 2021 thì vợ chồng tôi đã sống ly thân và không quan tâm đến nhau. Nay tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn đã thực sự sâu sắc, không có khả năng hàn gắn. Tôi đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 3- Ninh Bình giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Đinh Ngọc T để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Vợ chồng tôi có 02 con chung là các cháu: Đinh Diệp N Uyên sinh ngày 04/01/2019; Đinh Thiên N1 sinh ngày 29/7/2020. Hiện hai cháu đang sinh sống cùng bố mẹ anh T và anh T tại Thôn L, xã P, do các cháu ở và học tập ổn định với anh T tại xã P, tôi không muốn xáo trộn cuộc sống của các cháu, tôi đồng ý cho anh T được tiếp tục nuôi hai cháu. Việc cấp dưỡng nuôi con chung tôi và anh T sẽ tự thỏa thuận.

Về tài sản chung, công nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Đinh Ngọc T: Mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thông báo, giấy báo, tuy nhiên anh T không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi văn bản bày tỏ ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị D.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Khu vực 3-Ninh Bình đã tiến hành giải quyết theo quy định. Tuy nhiên anh Đinh Ngọc T không đến tham gia các phiên họp và hòa giải tại Tòa án, vì vậy vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại đơn xin xử vắng mặt, chị Lường Thị D vẫn giữ quan điểm như đơn khởi kiện và bản tự khai là xin ly hôn với anh Đinh Ngọc T, về con chung: Chị D đồng ý cho anh T được tiếp tục nuôi 02 con chung là các cháu Đinh Diệp N Uyên sinh ngày 04/01/2019; Đinh Thiên N1 sinh ngày 29/7/2020. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị và anh T sẽ tự thỏa thuận.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

Áp dụng: các Điều 5, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lường Thị D. Xử cho chị Lường Thị D ly hôn với anh Đinh Ngọc T.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao hai cháu Đinh Diệp Nhã U, sinh ngày 04/01/2019 và cháu Đinh Thiên N1, sinh ngày 29/7/2020. Hiện nay các cháu đang sống anh Đinh Văn T1 cho anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T1; mức cấp dưỡng là 1.850.000 đồng/tháng/cháu; thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực cho đến khi cháu U, cháu N1 đủ 18 tuổi.

Cha mẹ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về án phí: chị Lường Thị D phải chịu án phí ly hôn theo quy định là 300.000đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Chị D còn phải nộp số tiền án phí cấp dưỡng 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có nơi cư trú tại xã P, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân Khu vực 3-Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[2.1]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lường Thị D và anh Đinh Ngọc T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống hạnh phúc được với nhau thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên không hợp nhau về mọi mặt, thực tế hai bên đã ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị D với anh T là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về nuôi con chung: Chị D và anh T có 02 con chung là các cháu: Đinh Diệp N Uyên sinh ngày 04/01/2019; Đinh Thiên N1 sinh ngày 29/7/2020. Hiện hai cháu đang sinh sống cùng bố mẹ anh T và anh T tại Thôn L, xã P. Do các cháu đang sinh sống, học tập ổn định tại xã P cùng ông bà nội và anh T, vì vậy chị D đồng ý cho anh T được tiếp tục nuôi các cháu, việc cấp dưỡng nuôi con chung chị và anh T sẽ tự thỏa thuận. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu U và cháu N1 sinh sống và học tập ổn định với anh T từ nhỏ, mặt khác các cháu cũng có nguyện vọng được tiếp tục ở với bố, vì vậy việc giao hai cháu cho anh T tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là đảm bảo sự ổn định cũng như quyền và lợi ích của cháu, phù hợp với quy định của pháp luật vì vậy cần chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh Đinh Ngọc T không có yêu cầu, bản thân chị Lường Thị D cũng xác định việc cấp dưỡng nuôi con chung chị và anh T sẽ tự thỏa thuận, vì vậy việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lường Thị D phải chịu theo quy định của pháp luật, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị D đã nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Các điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Lường Thị D ly hôn với anh Đinh Ngọc T.

2. Về nuôi con chung: Giao các cháu Đinh Diệp N Uyên sinh ngày 04/01/2019; Đinh Thiên N1 sinh ngày 29/7/2020, hiện hai cháu đang ở với anh T, cho anh T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Chị Lường Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T.
Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lường Thị D phải chịu 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000586 ngày 30/01/2026 của Thi hành án Dân sự tỉnh Ninh Bình.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:	T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
- Các đương sự;	Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
- TAND tỉnh Ninh Bình;	
- VKSND Khu vực 3 – Ninh Bình;	
- Thi hành án DS tỉnh Ninh Bình;	
- UBND xã Phú Sơn	
- Lưu hồ sơ vụ án.	Nguyễn Thị Hương Quỳnh

